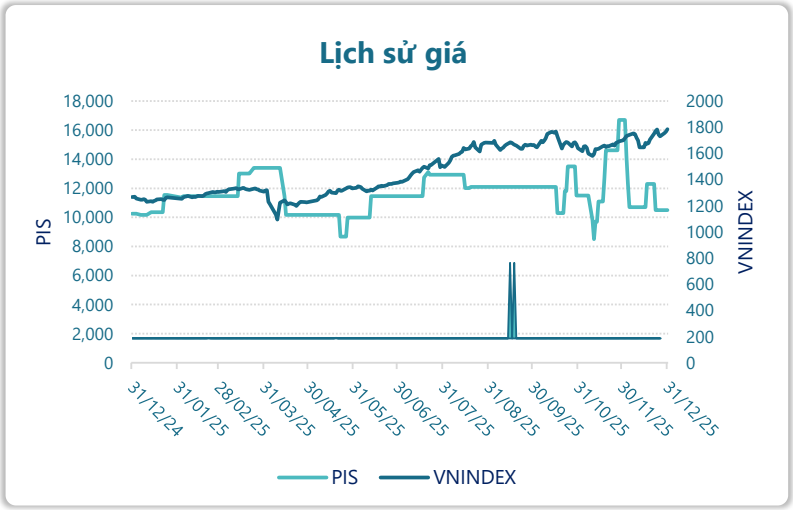
FireAnt

Tổng Công ty PISICO Bình Định - CTCP (UPCOM: PIS)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,500
SL cổ phiếu LH	27,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	289
P/E	14.6
EPS	720

DT thuần

Q4/25

113

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 35.8%

YoY: ▲ 9.00| 8.4%

LN sau thuế

Q4/25

11.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.26| 271%

YoY: ▼24.6| -68.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.9%

+/- YoY: ▼ 7.3%

DT thuần

2025

390

tỷ VNĐ

YoY: ▼72.0| -15.5%

LN sau thuế

2025

23.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼36.2| -60.5%

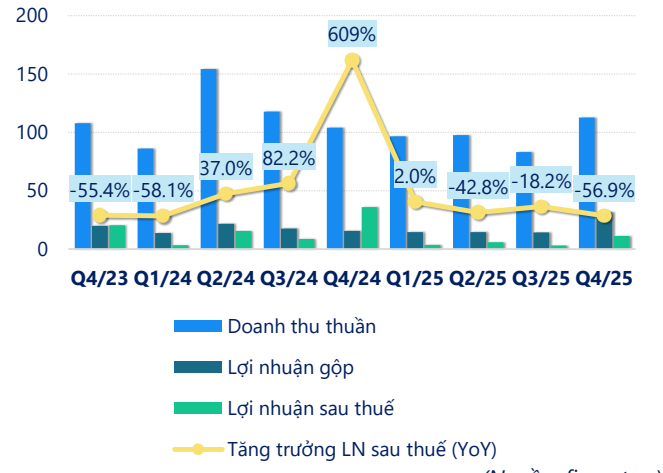
ROE

2025

4.4%

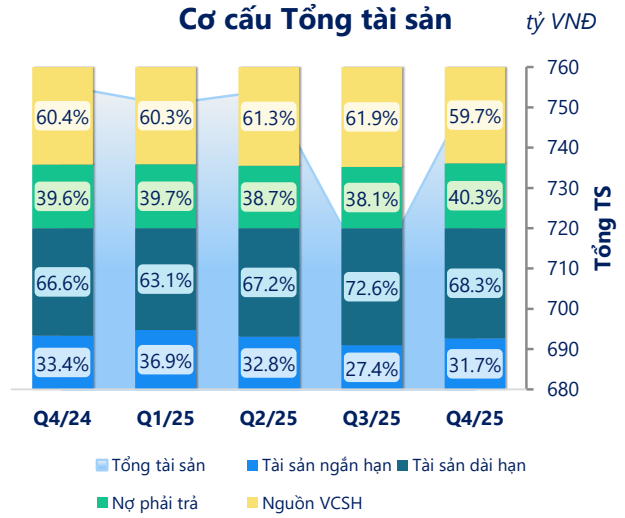
+/- YoY: ▼ 8.7%

Kết quả kinh doanh



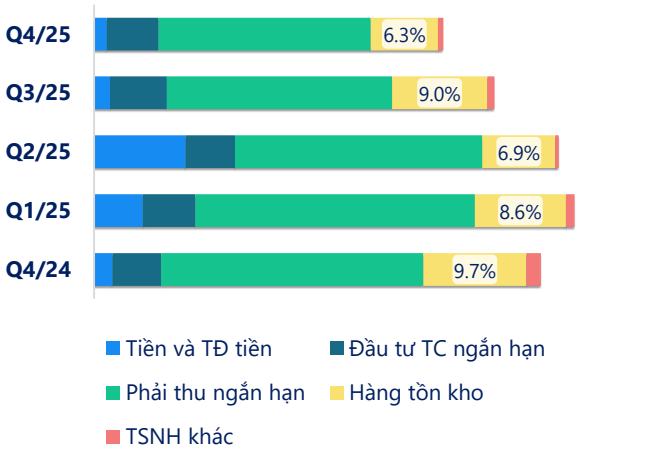
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



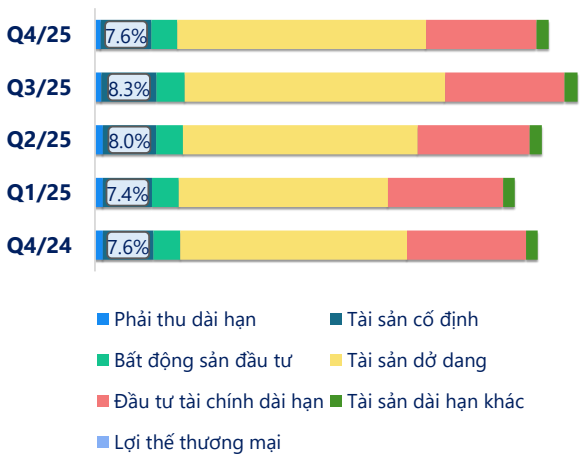
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



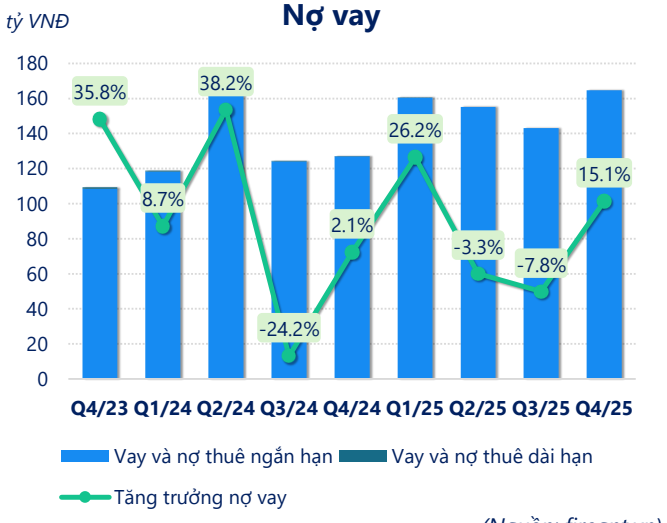
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



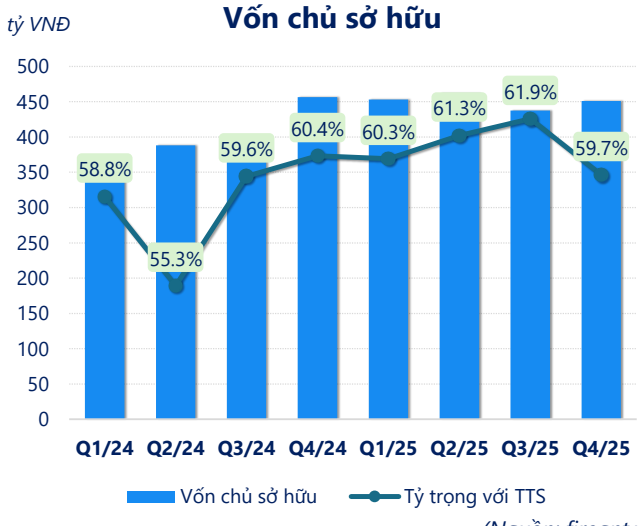
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



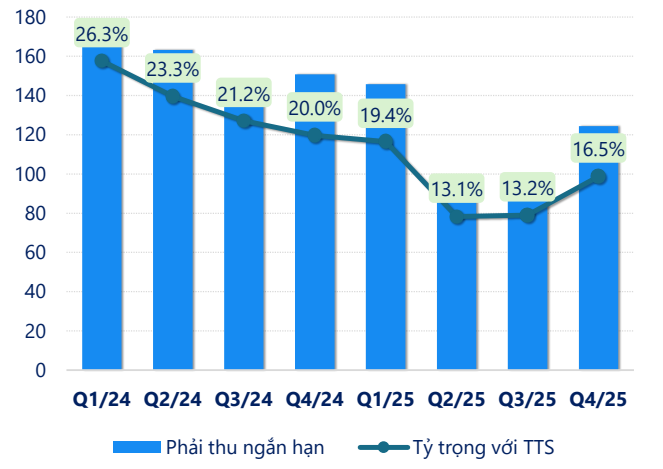
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



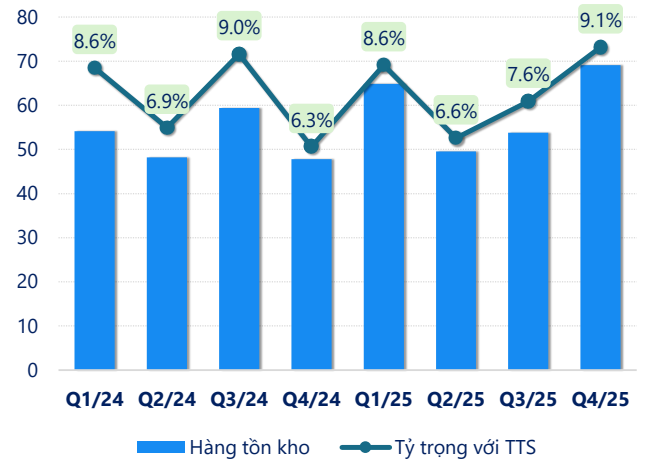
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



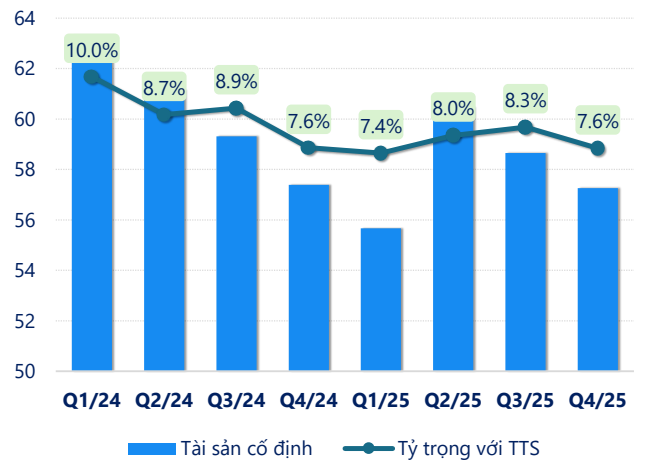
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



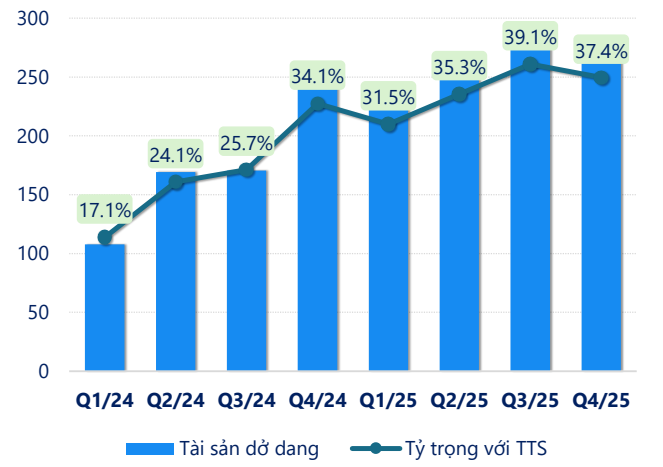
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



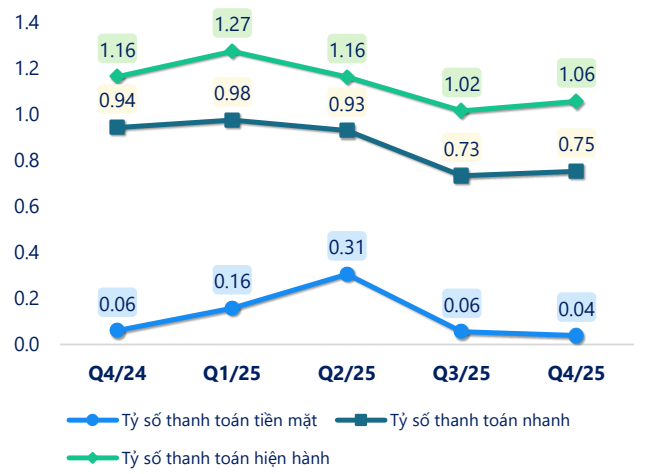
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



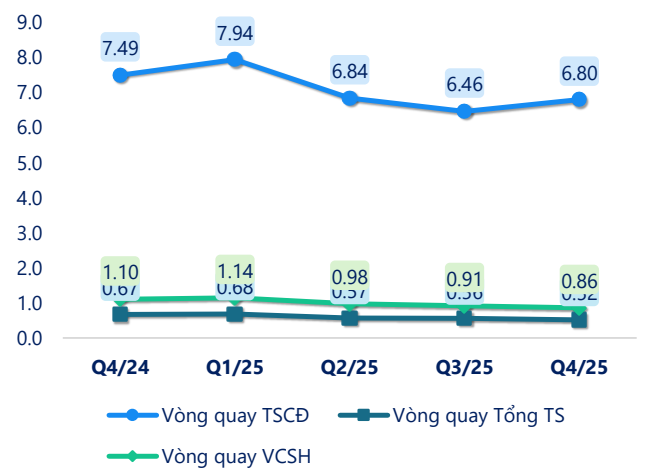
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**755**	**751**	**754**	**707**	**756**
Tài sản ngắn hạn	**252**	**277**	**247**	**194**	**240**
Tiền và tương đương tiền	13.1	34.3	64.8	10.6	8.89
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.9	28.3	30.8	31.4	30.2
Phải thu ngắn hạn	151	146	98.4	93.0	124
Hàng tồn kho	47.8	64.9	49.5	53.8	69.1
Tài sản ngắn hạn khác	3.74	3.51	3.36	4.83	7.15
Tài sản dài hạn	**503**	**474**	**507**	**513**	**516**
Phải thu dài hạn	9.08	8.86	8.86	6.89	6.77
Tài sản cố định	57.4	55.7	60.5	58.7	57.3
Bất động sản đầu tư	30.4	30.1	30.4	30.0	29.7
Tài sản dở dang	258	236	266	277	283
Đầu tư tài chính dài hạn	135	130	127	127	125
Tài sản dài hạn khác	13.4	12.9	13.8	13.8	14.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**299**	**298**	**292**	**269**	**305**
Nợ ngắn hạn	**217**	**217**	**212**	**191**	**227**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	160	155	143	165
Phải trả người bán ngắn hạn	16.0	13.9	23.9	12.8	23.2
Nợ dài hạn	82.1	80.6	79.8	78.5	77.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0.22	0.11	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**457**	**453**	**462**	**438**	**451**
Vốn chủ sở hữu	**457**	**453**	**462**	**438**	**451**
Vốn điều lệ	275	275	275	275	275
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)